

Đơn vị: TRƯỜNG THCS DƯƠNG HÀ
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu SN khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách NN				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.926.255.000	1.520.564.455	39	1,86
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	KP thường xuyên	3.825.400.000	1.425.709.455	37	0,92
	KP tiết kiệm 10% CCTL				
	Mục 6000 - Tiền lương	1.487.574.000	297.165.600	20	0,75
	Mục 6050 - Tiền công	224.640.000	229.704.000	102	4,12
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	534.612.000	121.254.070	23	0,92
	Mục 6300 - Các khoản đ/góp	484.319.000	92.906.516	19	0,91
	Mục 6200- Tiền thưởng	20.000.000		-	-
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	8.000.000	7.025.000	88	0,96
	Mục 6400 - Thanh toán cá nhân	6.000.000		-	
	Mục 6500 - Thanh toán DVCC	190.400.000	68.808.463	36	0,95
	Mục 6550 - Chi phí văn phòng	150.000.000	116.540.000	78	1,15
	Mục 6600 - Thông tin TTLL	30.000.000	1.171.693	4	0,05
	Mục 6700 - Công tác phí	21.600.000	5.954.400	28	1,10
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	55.000.000	37.660.000	68	0,75
	Mục 6900 - Sửa chữa TSCĐ	170.000.000	51.442.000	30	0,62
	Mục 6500 - Mua TSCĐ	-		-	
	Mục 7000 - Chi phí Nvụ C.M	333.255.000	50.169.000	15	0,34
	Mục 7050- Mua TS vô hình	30.000.000		-	
	Mục 7750 - Chi phí khác	80.000.000	19.590.000	24	0,27
	Mục 7954 - Lập quỹ PTHĐSN		32.641.713		
	Mục 7951 - Quỹ bổ sung thu nhập		147.677.000		
	Mục 7953 - Lập quỹ khen thưởng		46.000.000		
	Mục 7952- Lập quỹ phúc lợi		100.000.000		
1.2	KP không thường xuyên	100.855.000	94.855.000	94	0,94
	Mục 6150 - Các khoản hỗ trợ khác	4.050.000	4.050.000	100	1,00

	Mục 7050 - Mua phần mềm KT	6.000.000		-	
	Mục 7750 - Chi khác	90.805.000	90.805.000	100	1,00

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Hồng Giang

Đơn vị: TRƯỜNG THCS DƯƠNG HÀ
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lâm, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng/ 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu SN khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.926.255.000	2.345.238.851	59	1,04
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.926.255.000	2.345.238.851	59	1,04
1	Chi quản lý hành chính		-		
1.1	KP thường xuyên	3.825.400.000	2.244.383.851	59	1,04
	KP tiết kiệm 10% CCTL		-		
	Mục 6000 - Tiền lương	1.487.574.000	605.483.834	41	0,90
	Mục 6050 - Tiền công	224.640.000	275.819.400	123	2,48
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	534.612.000	248.587.698	46	0,95
	Mục 6300 - Các khoản đ/góp	484.319.000	185.370.717	38	0,97
	Mục 6200- Tiền thưởng	20.000.000		-	
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	8.000.000	7.025.000	88	1,32
	Mục 6400 - Thanh toán cá nhân	6.000.000		-	
	Mục 6500 - Thanh toán DVCC	190.400.000	85.261.294	45	0,99
	Mục 6550 - Chi phí văn phòng	150.000.000	152.647.108	102	1,26
	Mục 6600 - Thông tin TTLL	30.000.000	2.113.259	7	0,15
	Mục 6700 - Công tác phí	21.600.000	11.354.400	53	1,05
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	55.000.000	42.635.000	78	0,46
	Mục 6900 - Sửa chữa TSCĐ	170.000.000	199.136.000	117	3,15
	Mục 6500 - Mua TSCĐ	-		-	
	Mục 7000 - Chi phí Nvụ C.M	333.255.000	83.041.428	25	0,34
	Mục 7050- Mua TS vô hình	30.000.000		-	
	Mục 7750 - Chi phí khác	80.000.000	19.590.000	24	0,83
	Mục 7954 - Lập quỹ PTHĐSN		32.641.713		

	Mục 7951 - Quỹ bổ sung thu nhập		147.677.000		
	Mục 7953 - Lập quỹ khen thưởng		46.000.000		
	Mục 7952- Lập quỹ phúc lợi		100.000.000		
1.1	KP không thường xuyên	100.855.000	100.855.000	100	1,00
	Mục 6150- Các khoản hỗ trợ khác	4.050.000	4.050.000	100	
	Mục 7050 - Mua phần mềm KT	6.000.000	6.000.000	100	
	Mục 7750 - Chi khác	90.805.000	90.805.000	100	1,00

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Hồng Giang

TRƯỜNG THCS DƯƠNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023***ĐV tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu SN khác	0	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.926.255.000	3.926.255.000	100	1,00
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.825.400.000	3.825.400.000	100	1,00
	KP tiết kiệm 10% CCTL		-		
	Mục 6000 - Tiền lương	1.487.574.000	1.258.797.224	85	0,91
	Mục 6050 - Tiền công	224.640.000	354.303.000	158	1,60
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	534.612.000	498.526.256	93	0,95
	Mục 6300 - Các khoản đ/góp	484.319.000	376.150.478	78	0,82
	Mục 6200- Tiền thưởng	20.000.000		-	
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	8.000.000	7.025.000	88	0,96
	Mục 6400 - Thanh toán cá nhân	6.000.000		-	
	Mục 6500 - Thanh toán DVCC	190.400.000	181.383.421	95	1,06
	Mục 6550 - Chi phí văn phòng	150.000.000	220.536.088	147	1,52
	Mục 6600 - Thông tin TTLL	30.000.000	4.020.292	13	0,14
	Mục 6700 - Công tác phí	21.600.000	22.154.400	103	1,03
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	55.000.000	42.635.000	78	0,85
	Mục 6900 - Sửa chữa TSCĐ	170.000.000	206.528.000	121	1,27
	Mục 6500 - Mua TSCĐ	-			
	Mục 7000 - Chi phí Nvụ C.M	333.255.000	265.662.128	80	0,81
	Mục 7050- Mua TS vô hình	30.000.000		-	
	Mục 7750 - Chi phí khác	80.000.000	61.360.000	77	0,83

	Mục 7954 - Lập quỹ PTHĐSN		32.641.713		
	Mục 7951 - Quỹ bổ sung thu nhập		147.677.000		
	Mục 7953 - Lập quỹ khen thưởng		46.000.000		
	Mục 7952- Lập quỹ phúc lợi		100.000.000		
1,2	KP bổ sung CCTL	0	-	-	
1,3	KP không tự chủ - bổ sung	100.855.000	100.855.000	100	
	Mục 6150- Các khoản hỗ trợ khác	4.050.000	4.050.000	100	
	Mục 7050 - Mua phần mềm KT	6.000.000	6.000.000	100	
	Mục 7750 - Chi khác	90.805.000	90.805.000	100	

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Hồng Giang